TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST Ngày: 30 - 5 - 2022 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Ông Nguyễn Văn Mua.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Huế T1, sinh năm 1987; địa chỉ ấp An T2, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay ấp H, xã T3, huyện K, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Hoàng A, sinh năm 1984; địa chỉ ấp T2, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị Huế T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Trần Văn Hoàng A tổ chức lễ cưới vào tháng 02/2008 và đăng ký kết hôn ngày 24/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Hoàng A thường xuyên uống bia rượu, mỗi lần chị góp ý khuyên ngăn thì anh Hoàng A dùng vũ lực đối với chị dẫn đến mất hạnh phúc.

Nên chị mang các con về nhà cha mẹ ruột của chị sống ly thân với anh Hoàng A từ ngày 27/9/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng A.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị và anh Hoàng A có với nhau 02 con chung tên Trần Văn Hoàng T4, sinh ngày 29/11/2009 và Trần Văn Hoàng Q, sinh ngày 15/7/2020 hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu T4 và cháu Q, yêu cầu anh Hoàng A phải cấp dưỡng cho con hàng tháng mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 27/9/2021 đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh Hoàng A đồng ý tự cấp dưỡng cho các con nên chị tự nguyện rút lại yêu cầu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết và xét xử, bị đơn anh Trần Văn Hoàng A trình bày:

Thống nhất lời trình bày của chị T1, theo yêu cầu khởi kiện, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị T1.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu T4, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng; đồng ý giao cháu Q cho chị T1 nuôi, không đồng ý cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm cháu T4 trình bày nguyện vọng được sống với chị T1 nên anh đồng ý giao cháu T4 cho chị T1 được nuôi dưỡng. Anh đồng ý tự cấp dưỡng cho các con nên thống nhất việc chị T1 tự nguyện rút lại yêu cầu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Xét tại phiên tòa sơ thẩm, chị T1 rút yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng cho con là tự nguyện. Căn cứ vào khoản

2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đã rút.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị T1 và anh Hoàng A là vợ chồng hợp pháp. Xuất phát từ nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Hoàng A hay uống bia rượu, chị T1 góp ý khuyên ngăn thì anh Hoàng A dùng vũ lực dẫn đến mất hạnh phúc. Chị T1 và anh Hoàng A có thời gian sống ly thân từ ngày 27/9/2021 đến nay không trở về đoàn tụ, thống nhất ly hôn. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hôn nhân giữa chị T1 và anh Hoàng A lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T1 và anh Hoàng A.

[2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Xét tại phiên tòa sơ thẩm, anh Hoàng A đồng ý giao cháu T4 và cháu Q cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T1 rút yêu cầu cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T4, cháu Q cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng như nhận định tại móc đơn [2] "***Về tố tụng***"; anh Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị T1 và anh Hoàng A mỗi người phải chịu án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 đồng, hoàn trả cho chị T1 được nhận lại số tiền 225.000 đồng tạm ứng án phí chênh lệch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 và khoản 3 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Huế T1 và anh Trần Văn Hoàng A.

2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Trần Văn Hoàng T4, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2009 và cháu Trần Văn Hoàng Q, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2020 cho chị Trương Thị Huế T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu anh Trần Văn Hoàng A cấp dưỡng cho con chị Trương Thị Huế T1 đã rút.

2.3. Anh Trần Văn Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc chị Trương Thị Huế T1 phải nộp án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0010597 ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình. Hoàn trả cho chị T1 được nhận lại số tiền 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chênh lệch.

4.2. Buộc anh Trần Văn Hoàng A phải nộp án phí thuận tình ly hôn số tiền 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Trương Thị Huế T1, anh Trần Văn Hoàng A. Báo cho chị T1, anh Hoàng A biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã N: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Cao Minh Tân